

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD1 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067100608 - Tõn ng d ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030295	36CXD1	Ph m H©Vi t Anh	17/11/1993				2.0			2.0	0.6	0.5	0.4	1.0	
2	3671030072	36CXD1	Vñ C»ng Tu n Anh	07/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
3	3671030049	36CXD1	H Qu c B o	14/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
4	3671030215	36CXD1	H V½Qu c B o	20/09/1994				4.0			4.0	1.2	1.5	1.1	2.3	
5	3671030067	36CXD1	Phan Bá C u	23/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3671030243	36CXD1	Nguy n Th Chi n	28/02/1993				2.0			2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	
7	3671030111	36CXD1	Lĩ Th Di n	25/08/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
8	3671032025	36CXD1	Huinh Qu c ã t	21/11/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
9	3671030227	36CXD1	Bùi Phan Tín ã »ng	24/08/1994				3.0			3.0	0.9	0.5	0.4	1.3	
10	3671030297	36CXD1	Lĩ Vñ ã c	17/09/1991				0.0			0.0	0.0	6.0	4.2	4.2	
11	3671030306	36CXD1	Ph m Tr ng H u	08/09/1994				2.0			2.0	0.6	3.5	2.5	3.1	
12	3671030268	36CXD1	Nguy n Hoàng	24/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
13	3671030042	36CXD1	ñ ©n Quang Huy	25/08/1992				3.0			3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
14	3671030122	36CXD1	L² ã c Huy	12/02/1993				2.0			2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	
15	3671030157	36CXD1	Lê Quang Huy	16/07/1994				1.0			1.0	0.3	1.0	0.7	1.0	N HP
16	3671030258	36CXD1	Tñg Thanh Hùng	10/05/1992				3.0			3.0	0.9	4.3	3.0	3.9	
17	3671030175	36CXD1	Ng» ã nh H ng	02/01/1992				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
18	3671030229	36CXD1	Ph m Ch´ H ng	10/12/1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
19	3671030256	36CXD1	Ph m An Khang	05/09/1994				4.0			4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100608 - T ấ n ấ g d ấ g 2 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030279	36CXD1	Hu nh ấ »ng	Khoa	10/02/1993				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
21	3671031630	36CXD1	Ng» Vi t	L ấ m	15/02/1990				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3671030188	36CXD1	L ấ ng Ho ấ ng	L c	20/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3671030096	36CXD1	ấ Nh t	M ấ nh	14/09/1994				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
24	3671030154	36CXD1	Nguy n Nh t	Nam	20/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
25	3671030099	36CXD1	V ồ Ho ấ ng	Nam	26/08/1994				3.0			3.0	0.9	1.5	1.1	2.0	
26	3671030069	36CXD1	ấ Tr ấ g	Nguy ấ n	04/03/1994				0.0			0.0	0.0	2.5	1.8	1.8	
27	3671030263	36CXD1	L ấ Minh	Nh t	22/08/1994				1.0			1.0	0.3	1.5	1.1	1.4	
28	3671030225	36CXD1	Nguy n H u	Ph ấ n	24/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
29	3671030152	36CXD1	Nguy n Th ấ nh	Phú c	16/07/1994				1.0			1.0	0.3	5.0	3.5	3.8	
30	3671030102	36CXD1	D ấ ng Trung	Qu c	01/01/1994				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
31	3671030138	36CXD1	Nguy n B o	Qu c	17/10/1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
32	3671030098	36CXD1	Tr n Ph m Thanh	T ấ i	16/10/1994				3.0			3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
33	3671030219	36CXD1	Nguy n Thanh	T ấ nh	14/09/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
34	3671030114	36CXD1	L ấ H nh	To ấ n	06/08/1994				3.0			3.0	0.9	1.5	1.1	2.0	
35	3671030031	36CXD1	Nguy n Anh	Tu n	06/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
36	3671030298	36CXD1	L ấ Nh t	Thanh	03/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	3671030313	36CXD1	D ấ ng Ng c	Th nh	02/03/1994				3.0			3.0	0.9	1.5	1.1	2.0	
38	3671030309	36CXD1	L ấ H ng	Th nh	22/09/1994				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	

Kh¹ a h c :	L p h c : 36CXD1	N¹ m h c : 2012-2013	ñ VHT : 3 (45,0,0,0,0,0)
H ñT :	H c ph n : 122067100608 - To ¹ n ng d ng 2	H c km : HK02	

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THĩ NH PH N						TBC	QUY TSP: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
39	3671030163	36CXD1	Lê Xuân	Thông	01/01/1994				0.0			0.0	0.0	6.8	4.8	4.8	
40	3671030315	36CXD1	Phan Minh	Th	01/03/1994				3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
41	3671030305	36CXD1	Nguy n T n	Th c	15/06/1994				3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
42	3671030116	36CXD1	Nguy n Thanh	Tr ng	02/11/1994				0.0			0.0	0.0	2.0	1.4	1.4	
43	3671031974	36CXD1	Nguy n VÑh	Tr ng	11/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
44	3671030303	36CXD1	Nguy n Qu c	Trung	27/09/1994				4.0			4.0	1.2	1.5	1.1	2.3	
45	3671030301	36CXD1	Tr ng Ho@	Tr ng	09/08/1994				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
46	3671030046	36CXD1	Tr n Anh	VHO	01/02/1994				2.0			2.0	0.6	7.0	4.9	5.5	

Tổng số : 46 học sinh sinh viên

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

$$G_i \propto V_i^2 n B \quad M \gg n$$

Gĩ o V Khoa